

LUẬN TÔN BÀ TU MẬT BỒ TÁT SỞ TẬP

QUYỂN 4

Thứ 3: **KIỀN ĐỘ TAM-MUỘI** (Phần đầu)

Lại nữa, Đức Thế Tôn nói: Các Tỳ-kheo nhóm họp đến hội có hai nhân duyên: Hoặc sẽ luận về nghĩa sâu xa của kinh, hoặc sẽ im lặng theo pháp của bậc Hiền Thánh, miệng không hề nói.

Hỏi: Thế nào là luận về nghĩa sâu xa của kinh? Hoặc sẽ mặc nhiên im lặng theo pháp của bậc Hiền Thánh, miệng không hề nói là sao?

Đáp: Hoặc tạo ra thuyết này: Đối với dục, không mê đắm, quán dục ác lộ, bất tịnh, nói là luận nghĩa sâu xa của kinh. Hiền Thánh ở đệ Nhị thiền im lặng tư duy.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng tạo ra thuyết này: Ở đây, Tỳ-kheo tư duy Đệ Nhị thiền, nói là Hiền Thánh im lặng.

Hoặc có thuyết nói: Mười hai nhân duyên, là luận về nghĩa sâu xa của kinh. Tư duy mười hai nhân duyên là nói Hiền Thánh im lặng.

Hoặc có thuyết nói: Kệ Khế kinh quyết định giảng nói rộng khắp nghĩa kinh sâu xa. Tâm chuyên nhất không tán loạn mà nghe pháp, nói là Hiền Thánh im lặng.

Hoặc có thuyết nói: Dứt bỏ tất cả hành vi xấu ác, là nghĩa kinh sâu xa. Nghĩ đến việc dứt bỏ tất cả hành, tư duy về hành, gọi là Hiền Thánh im lặng.

Hoặc có thuyết nói: Phân biệt rộng khắp không, vô tướng, Vô nguyện là nghĩa sâu xa của kinh. Tư duy không, vô tướng, Vô nguyện là Hiền Thánh im lặng.

Hoặc có thuyết nói: Phân biệt bốn đế của bậc hiền Thánh, là nói nghĩa kinh sâu xa, khéo tư duy bốn đế của hiền Thánh là nói Hiền Thánh im lặng.

Hoặc có thuyết nói: Luận về pháp, là nhóm họp dân chúng, thể hiện phổ biến pháp bình đẳng. Hiền Thánh yên lặng, nghĩa là tư duy pháp quán bất tịnh, pháp khởi liên khởi, diệt liên diệt.

Hoặc có thuyết nói: Tiếng nói pháp nghe xa, gọi là luận pháp, tư duy việc bên trong, gọi là Hiền Thánh im lặng.

Lại nữa, nhóm họp đến pháp hội, cũng là việc ấy. Sẽ nói các pháp đã nói, nên khéo lắng nghe. Luận về pháp kia, thân cận Hiền Thánh. Thí dụ như nền tảng vững chắc của giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến cho đến mười hai nhân duyên.

Nghe nền tảng này rồi, nhớ giữ gìn vững chắc, đọc tụng, với ý không mê đắm, không nhàm chán, tâm không tán loạn, khéo tư duy, nên gọi là Hiền Thánh im lặng. Như đã nói: Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói Hiền Thánh im lặng, đây là nghĩa ấy.

Tỳ-kheo ni Đàm-ma-đề-na tạo ra thuyết này: Tỳ-kheo kia từ xuất định Diệt tận, tiếp cận ba xúc: xúc Lặng yên, xúc Định bất dụng, xúc Vô tướng.

Hỏi: Thế nào là xúc Lặng yên? Thế nào là xúc Định bất dụng? Thế nào là xúc Vô tướng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Môn không giải thoát là xúc lặng yên. Môn giải thoát Vô nguyện là xúc định bất dụng. Môn giải thoát vô tướng là xúc Vô tướng.

Hoặc có thuyết nói: Tỳ-kheo kia xuất định diệt tận, vì duyên vô lậu Niết-bàn, nên định bất dụng hiện ở trước, tức nên nói định Bất dụng.

Định bất dụng kia, định Vô tướng kia, định bất dụng vô lậu, định bất dụng duyên Niết-bàn vô tướng. Lại nữa, Tỳ-kheo kia xuất định diệt tận, trụ Hữu tướng, Vô tướng khởi ngằn ấy tâm, nên nói là tiếp cận với xúc Vô tướng. Tỳ-kheo kia lúc trụ, nhập định bất dụng, khởi ngằn ấy tâm, nên nói tiếp cận xúc định bất dụng. Nếu khi trụ định kia, khởi thức xứ, khởi ngằn ấy tâm, nên nói là gần với xúc lặng yên, đó gọi là nghĩa ấy.

Đối với năm Tam-muội, Tỳ-kheo kia khởi ngằn ấy tâm, nên nói là khởi tâm, cũng như ngủ dần dần, thức giấc, ấy là khởi một cách nhanh chóng. Như thế, dần dần nhập Tam-muội Diệt tận, không dần dần khởi, nên nói là quán.

Hơn nữa, có hai bậc Tư-đà-hàm đã thành tựu một thiền vô lậu, hiện ở trước, đệ Nhị thiền không hiện trước mặt chăng?

Hoặc có thuyết nói: Có, nếu ứng với không, thì hiện ở trước mắt, nếu thích ứng với Vô nguyện thì không hiện ở trước mắt.

Hoặc có thuyết nói: Nếu đối tượng nương tựa có sức, thì hiện ở trước mắt, nếu công sức của chỗ dựa ít, thì sẽ không hiện ở trước mắt.

Hoặc có thuyết nói: Nếu người căn cơ nhạy bén thì hiện ở trước mắt, nếu người căn cơ chậm lụt thì sẽ không hiện ở trước mắt.

Hoặc có thuyết nói: Nếu nhàm chán cõi Dục, dứt bỏ hành cõi Dục, thì sẽ hiện ở trước mắt. Nếu nhàm chán ba cõi, dứt bỏ hành ba cõi, thì không hiện ở trước. Lại nữa, chưa từng có hành vi đã tạo, nhập quán Tam-muội vô lậu ứng với vô lậu.

Vả lại, Sơ thiền trung gian có gần với Tam-muội diệt tận chăng?

Hoặc có thuyết nói: Có, nếu đạt đến khả năng siêu tuyệt vượt hơn Tam-muội, thì ở thiền trung gian nhập Tam-muội diệt tận.

Hoặc có thuyết nói: Nếu dựa vào Sơ thiền, đồng vượt qua trình tự thủ chứng, thì ở Sơ thiền trung gian, bốn đế đã dứt kiết sử, tức là gần Tam-muội Diệt tận.

Hỏi: Người kia không phải gần Sơ thiền trung gian, nhập Tam-muội, người ấy được gần với Tam-muội Diệt tận?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Sơ thiền trung gian lúc nhập đệ Nhị thiền, các kiết tương ứng trên cõi Phạm thiên, đều được diệt tận.

Hỏi: Vì phải khởi thiền trung gian, cho nên người kia không gần thiền trung gian?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu dựa vào Sơ thiền trung gian, đồng vượt qua trình tự thủ chứng, thì người kia ở Sơ thiền trung gian, bốn đế đã dứt trừ kiết, gần với Tam-muội Diệt tận.

Hỏi: Đây không phải là Sơ thiền trung gian. Vì sao? Vì phải khởi thiền trung gian kế tục, đạo Hiền Thánh hiện ở trước mắt. Lại nữa, không phải nhập Sơ thiền trung gian, gần với Tam-muội Diệt tận, kiết sử chưa hết, quán ngoại hết, hạt giống trí của người kia đều có pháp trụ, nên không giác, có quán, tức khởi, không diệt tận. Như chúng sanh ưa thích nhập Tam-muội từ, không phải tất cả chúng sanh đều có ưa thích, Tam-muội kia duyên với những gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Các chúng sanh có căn thiện, tức nhân duyên của Tam-muội từ bi.

Hỏi: Không duyên tất cả chúng sanh có từ kia?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tất cả chúng sanh có lợi căn, chúng sanh đó tức là duyên.

Hỏi: Không phải tất cả chúng sanh đều có căn thiện hiện ở trước mắt, cũng có chúng sanh hiện tại có căn an vui?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu tự nương theo an lạc thì tất cả chúng sanh kia đều được giải thoát.

Hỏi: Không phải do sự an vui này mà khiến chúng sanh an vui

chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không phải do lòng từ mà tất cả chúng sanh có niềm vui, tuy nhiên nhờ phương tiện này, giữ vững tâm mình, diệt các sự giận dữ mà thành tựu các pháp.

Hỏi: Vì điên đảo, nên diệt các cơn giận dữ. Hơn nữa, nhận biết các chúng sanh đều có căn thiện, mong cầu các thứ vui giải thoát. Ban ơn cho chúng sanh, đều được thành tựu, như vốn đã nói: Tam-muội kia nên nói là điên đảo, hay nên nói không điên đảo?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói không phải điên đảo. Tất cả chúng sanh đều có lạc căn. Đây là nhân duyên của từ bi, như vốn đã nói. Lại nữa, nên nói không phải điên đảo, sự giận dữ diệt hết, như chúng sanh khổ, nhập Tam-muội Từ, không phải tất cả chúng sanh đều có khổ, Tam-muội kia là duyên những gì!

Hoặc có thuyết nói: Các chúng sanh khổ, tức là nhân duyên của Tam-muội từ kia. Hoặc có thuyết nói tất cả chúng sanh đều có khổ căn, tâm bi kia là duyên của khổ căn.

Hoặc có thuyết nói: Không phải ngôi nhà bi, nên hết thấy chúng sanh có khổ. Lại nữa, do phương tiện bi này trụ vững chắc tâm mình, diệt tâm hại của mình. Lại nữa, nhận biết các chúng sanh đều có trạng thái khổ, giải thoát khổ, và thương xót tất cả chúng sanh, đều cầu mong sao chúng sanh được yên vui. Như vốn đã nói: Tam-muội kia, nên nói là điên đảo hay nên nói không phải điên đảo?

Hoặc có thuyết nói: Nói không phải điên đảo, các chúng sanh khổ tức là duyên ấy. Hoặc có thuyết nói: Nên nói chẳng phải điên đảo, vì đã diệt tâm hại, như chúng sanh hoan hỷ, nhập Tam-muội hỷ. Không phải tất cả chúng sanh đều hoan hỷ, Tam muội kia duyên theo những gì?

Hoặc có thuyết nói: Các chúng sanh hoan hỷ đều là duyên của hỷ kia.

Hoặc có thuyết nói: Tất cả chúng sanh đều có hỷ căn, hỷ căn này là duyên của Tam-muội kia.

Hoặc có thuyết nói: Tự mình được hoan hỷ, muốn cho tất cả chúng sanh đồng được hoan hỷ.

Hoặc có thuyết nói: Không phải vì ngôi nhà hoan hỷ, nên tất cả chúng sanh đều có hỷ. Lại nữa, do phương tiện hỷ này, giữ vững tâm mình, diệt các nỗi lo sầu. Lại nữa, nhận biết trạng thái hoan hỷ của các chúng sanh là hỷ giải thoát, đối với tất cả chúng sanh đồng hoan hỷ, như vốn đã nói: Tam-muội kia, nên nói là điên đảo hay không điên đảo?

Hoặc có thuyết nói: Nên nói là chẳng phải điên đảo, vì các chúng

sanh hoan hỷ, tức là nhân duyên.

Hoặc có thuyết nói: Nên nói chẳng phải điên đảo, do tất cả chúng sanh đều có hỷ căn, cho nên là nhân duyên của hỷ, như vốn đã nói. Lại nữa, nên nói không phải điên đảo, vì sự buồn rầu có sai trái.

Lại nữa, Đức Thế Tôn nói: Ở đây, Tỳ-kheo nên tu quán niệm hơi thở để dứt các quán tưởng.

Hỏi: Thế nào là nên tu quán niệm hơi thở để dứt các quán tưởng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tu quán niệm hơi thở nhập đệ Nhị thiền. Đã nhập đệ Nhị thiền, là vượt qua quán tưởng.

Hỏi: Cũng có phương tiện khác nhập Đệ Nhị thiền, thế nên dùng phương tiện khác dứt các quán tưởng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tu quán niệm hơi thở là dựa vào sự xoay chuyển lại của cõi Sắc, không dựa vào quán tưởng để dứt các quán tưởng. Việc này như đã nói như trên.

Hoặc có thuyết nói: Đếm hơi thở ra vào có một duyên ở giữa không có quán, không có giác. Như thế, dứt các quán, điều này cũng đã nói như trên. Lại nữa, tu quán niệm hơi thở là duyên gần Tam-muội không. Vì duyên gần ấy duyên không có chúng sanh, một ít sinh nghiệp của chúng sanh kia, dứt các quán tưởng.

Lại, Đức Thế Tôn nói: Quán khắp các thân, biết rõ hơi thở ra, quán khắp các thân biết hơi thở vào.

Hỏi: Thế nào là quán khắp hơi thở ra của các thân? Quán khắp hơi thở vào của các thân là sao?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Quán thân đều vô thường, nhận biết hơi thở ra, vào.

Hỏi: Không xuất định chẳng?

Đáp: Tam-muội không khởi, phương tiện hơi thở kia sẽ không hoại nghi.

Hoặc có thuyết nói: Quán thân tất cả bất tịnh, hơi thở ra vào, đều không đắm nhiễm, cũng không xả bỏ.

Hoặc có thuyết nói: Tất cả hơi thở ra vào trong thân đều nhận biết.

Hoặc có thuyết nói: Khi quán xoay lại, đối với quán cõi Sắc trong tất cả thân, hơi thở ra, vào không gồm nhiếp tưởng cõi Sắc kia, cũng không buông xả. Lại nữa, do phương tiện này, giúp tâm mình trụ kiên cố, dùng việc này để tư duy rộng.

Hỏi: Thế nào là nhập đệ Tứ thiền dứt hết hơi thở ra vào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Khi đếm hơi thở ra vào, tức nhận biết

hơi thở ra vào kia nhập đệ Tứ thiền, ở trong đó, hơi thở ra vào có thể đều diệt.

Hỏi: Dùng phương tiện khác nhập đệ Tứ thiền, hơi thở ra vào kia có diệt chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Khi nhập đệ Tứ thiền, hơi thở ở địa Tứ thiền có xoay lại, lấp bít các lỗ chân lông, chẳng có thở ra vào hay không?

Hỏi: Không từ xuất định, hơi thở ra vào không xoay lại chăng?

Đáp: Khởi lại dựa vào sự xoay lại của hơi thở khác.

Hoặc có thuyết nói: Như nhập Sơ thiền, hơi thở liên tăng trưởng. Đệ Nhị thiền hơi thở nhẹ nhàng, đệ Tam thiền hơi thở cũng nhẹ nhàng hơn. Như thế, khi hơi thở trở nên nhẹ nhàng dần, đến đệ Tứ thiền thì không còn hơi thở nữa.

Lại nữa, trừ bỏ hết giác, khi ấy hơi thở ra vào của thiền không còn quay lại. Vì sao? Vì sinh cõi Dục, chúng sanh được thiền, đối với thiền không còn lụi sục, lúc chết liền sinh lên cõi Sắc, đã sinh cõi Sắc, được tất cả thiền, không lụi sục thiền, nên khi chết liền sinh trở lại cõi Sắc.

Hoặc có thuyết nói: Trong cõi Dục này, hành đối lập với địa. Trong cõi này khởi thiền mà sinh trong cõi Sắc kia. Nếu người kia nhập Tam-muội, dù người sinh trong cõi Sắc kia có có báo ứng, thì sẽ không do báo ứng có báo ứng.

Hỏi: Như hiện nay, không có ai mất ở cõi kia, lại sinh trong cõi kia chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nhập địa vị khí thanh tịnh của đệ Tam thiền, tương ứng với thiền vô lậu thanh tịnh, được sinh trong cõi đó, tương ứng với khí vị, lụi sục vô lậu nhập Niết-bàn. Như thế sinh trong cõi kia, nếu Tam-muội tịnh thiền, thì sinh trong cõi ấy. Nếu nhập khí vị tương ứng thiền, thì lụi sục cõi kia, nếu nhập vô lậu thiền, tức ở trong cõi kia mà nhập Niết-bàn.

Hoặc có thuyết nói: Trong đây nhập bốn thứ thiền: Lụi sục dần dần, lụi sục trụ, lụi sục tăng thượng, chán lụi sục dần dần. Lụi sục trụ, sinh lên cõi kia, lụi sục tăng thượng, vượt qua cõi kia, nhằm chán lụi sục thì nhập Niết-bàn. Như thế, sinh lên cõi kia, nếu nhập Tam-muội thối lui dần dần, ấy là thối lui cõi kia. Nếu nhập Tam-muội trụ lụi sục, thì sinh trong cõi kia. Nếu nhập Tam-muội, lụi sục thêm, thì siêu việt địa kia, do đạo vô lậu, nên nhập Niết-bàn ở trong cõi đó.

Hoặc có thuyết nói: Không phải do thiền, được sinh trong cõi kia, mà là do hành cấu uế đăm nhiễm, được sinh trong cõi kia. Nếu đã là

hành đối với tử, hoặc lại trụ ở trong cõi kia do hành đối với bất tử, thì sinh trong cõi kia. Nếu không do thiên mà sinh về cõi kia, thì không phải thiên trung gian sinh trong cõi kia.

Đáp: Không có khổ. Nếu dựa vào vị lai thiên, lại ái dục hết, ở thiên trung gian được sinh trong cõi kia. Lại nữa, hai thiên này đều không phải tinh tế. Chúng sanh sinh trong cõi Dục được các thiên, ái cõi Sắc chưa hết, mạng chung không sinh cõi Sắc. Ái cõi Sắc đã hết, ái cõi Vô Sắc chưa hết thì mạng chung không sinh cõi Sắc, Vô Sắc. Ái của cõi Vô Sắc hết, bèn mạng chung, sinh về cõi Vô xứ.

Hỏi: Thế nào là thọ báo hiện nay?

Đáp: Nếu ái hết, tương ứng với báo thì không có báo, như trước người kia thì theo sau, trung gian tương ứng với quả báo, sinh cõi Sắc. Chúng sanh được thiên, ái sắc chưa hết, bèn mạng chung, không tạo ra phương tiện cầu sinh cõi Dục. Nếu không chán bỏ thì phương tiện không tăng phương tiện mong cầu bèn sinh, sinh cõi Sắc, ái hết, ái Vô Sắc chưa hết, bèn mạng chung, không sinh cõi Vô Sắc, ái cõi Vô Sắc hết, khi chết sinh về cõi vô xứ.

Hỏi: Thế nào là thọ báo hiện nay?

Đáp: Không có nhất định thọ nhận tương ứng với quả báo của hành. Ở cõi Sắc, hành thiên rất khó được, hướng chi là Tam-muội cõi Vô Sắc.

*Tư-đà-hàm tiếp xúc
Có vô lượng diệt tận
Niệm nói tất cả thân
Thế nào diệt cõi Dục.*

Nếu tất cả thức siêu việt, nhập xứ không có, định bất dụng, làm sao định đó không có, ít có tư duy, hoặc có thuyết nói: Kia không có chỗ nương, có chỗ nương, không có tư duy.

Hỏi: Tất cả Tam-muội tư duy việc này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Thức kia không có lạc, không có thường, cũng có không tư duy. Việc này cũng đã nói như trên.

Hoặc có thuyết nói: Thức kia không có ngã, cũng không tư duy, việc này cũng đã nói như trên. Lại nữa, như ngần ấy thứ tướng mạo, ấy là lìa tướng giải thoát.

Hỏi: Vì sao định bất dụng gọi là hộ?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tam-muội lìa hữu, định vô hữu, sẽ có là do có, cho nên định bất dụng nói là hộ.

Hoặc có thuyết nói: Đạo hộ vượt qua đạo kia, thế nên định bất

dụng nói là hộ.

Hoặc có thuyết nói: Hộ là quả. Đức Thế Tôn cũng nói: Tu hộ rộng khắp, vượt qua định bất dụng. Lại nữa, định vô dụng không lựa chọn, không tạo ra lợi dưỡng để trụ.

Hỏi: Tịnh là nghĩa bất tịnh, là sao?

Đáp: Có thuyết nói: Các tướng bất tịnh là nghĩa tịnh.

Hỏi: Không có tướng bất tịnh. Tướng tịnh kia hoặc có tịnh, hoặc bất tịnh?

Đáp: Gọi là tịnh, tịnh ấy là điên đảo. Tịnh kia hoặc có thường hoặc vô thường.

Hỏi: Muốn nói không có tướng vô thường chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tướng tịnh nói không có tịnh.

Hỏi: Nếu kia không có tướng tịnh thì không nhiễm đấm, không phải do tướng tịnh làm đấm nhiễm chẳng?

Đáp: Bất tịnh tạo ra tướng tịnh thì đấm nhiễm.

Hỏi: Nếu kia có tướng tịnh, như tịnh kia mà quán, thì tịnh kia sẽ đấm nhiễm. Nếu không quán như thật, thì tịnh kia sẽ không có tướng tịnh?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Chuyên ý tâm niệm bất tịnh như thế.

Hỏi: Tịnh kia hoặc kết cục thành, hoặc không kết cục thành, muốn cho tịnh kia là tịnh? Hay muốn cho tịnh kia là bất tịnh chẳng? Lại nữa, sắc không có tịnh, không có bất tịnh, cũng như người kia đã hưởng về tham đấm, không rời. Vả lại, bỏ tu Tứ thiền, định bất dụng sinh lên cõi Tịnh cư chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không, bỏ tu Tứ thiền mà được sinh trong cõi kia.

Hỏi: Các hữu tu Đệ Tứ thiền, sinh lên cõi trời Tịnh cư, tất cả người kia sinh lên cõi trời Tịnh cư?

Đáp: Do sự hành nên không sinh, hạt giống tuy nảy mầm nhưng vì hành sự nên không sinh.

Lại nữa, dựa vào thiền vị lai, tu đạo vô lậu, người kia diệt các kiết, sinh lên cõi trời Tịnh cư. Tất cả người đó tu phân biệt thiền, nhập đệ Tứ thiền, tất cả người ấy đều sinh lên cõi trời Tịnh cư chẳng? Nếu sinh lên cõi trời Tịnh cư, tất cả người đó tu Phân biệt thiền nhập đệ Tứ thiền chẳng?

Hoặc có thuyết nói: Các người sinh lên cõi trời Tịnh cư, tất cả người đó đều tu phân biệt thiền, nhập đệ Tứ thiền.

Vả lại, tu Phân biệt thiền, nhập đệ Tứ thiền, không sinh lên cõi

trời Tịnh cư, nếu A-na-hàm cõi Vô Sắc. Hoặc có thuyết nói, tu Phân biệt thiên, nhập đệ Tứ thiên, người ấy không sanh lên cõi trời Tịnh Cư, được tu phân biệt, nhập Đệ Tứ thiên, vì ái trên cõi trời Tịnh cư đã hết.

Vả lại, sinh lên cõi Tịnh cư, không tu Phân biệt thiên mà nhập đệ Tứ thiên chẳng?

Dựa vào vị lai, tu đạo vô lậu, người kia đã diệt các kiết sử.

Vả lại, tu Phân biệt thiên, nhập đệ Tứ thiên, cũng sinh lên cõi trời Tịnh cư chẳng?

Được tu Phân biệt thiên, nhập đệ Tứ thiên, vì ái trên cõi trời Tịnh cư chưa hết.

Hơn nữa, không tu Phân biệt thiên, nhập đệ Tứ thiên, cũng không sinh lên cõi trời Tịnh cư?

Trừ ngần ấy việc trên, còn lại là nghĩa kia.

Hỏi: Thế nào là tu Phân biệt thiên, nhập đệ Tứ thiên?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nhập Tam-muội tịnh thiên, dùng vô lậu để tư duy phân biệt.

Hỏi: Tịnh thiên, người kia không phải tư duy vô lậu, như người tư duy vô lậu, thiên bất tịnh kia?

Lại nữa, thiên vô lậu, ở trung gian kia nhập tịnh thiên, trung gian tịnh thiên nhập thiên vô lậu, không dùng vô lậu để nuôi lớn tịnh thiên, vô lậu kia nuôi lớn cõi trời Tịnh Cư.

Hỏi: Làm sao biết có cõi trời Tịnh Cư?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tu Phân biệt, nhập Đệ tứ thiên sinh lên cõi trời Tịnh Cư. Như trong đây, thấy tu phân biệt, đệ Tứ thiên, ái Vô Sắc chưa hết, mà qua đời, sau đó mới được biết có cõi trời Tịnh Cư. Như nhân duyên của thiên này. Lại nữa, do A-na-hàm biết, Đức Thế Tôn cũng nói: Cõi này không dễ được, giống như người phạm phu có ngã ở lâu trong sinh tử, trừ cõi trời Tịnh Cư.

Như Sơ, Đệ nhị, Đệ Tam thiên, tu Phân biệt thiên. Vì sao Sơ, Đệ nhị, Đệ Tam thiên, không sinh lên cõi trời Tịnh cư?

Hoặc có thuyết nói: Trước hết, được đỉnh Đệ Tứ thiên, lại có thể Phân biệt thiên, và ái dục hết không sinh địa khác.

Hỏi: Như không quán nhập tư duy Tam-muội, phân biệt Tứ thiên, vì sao không quán nhập Tứ thiên phân biệt tám địa?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Những người được căn cơ nhạy bén, ấy là có thể phân biệt được Tứ thiên. Trông cậy ở người căn cơ nhạy bén, lại vượt qua địa khác.

Hỏi: Vượt qua Đệ Tứ thiên, cho nên không sinh địa đệ Tứ thiên.

Lại nữa, lúc trời đất biến đổi, cho đến địa đệ Tam thiên hư hoại, nhưng không phải địa Hiền biến đổi. Lúc thế giới biến đổi, ở đây có các Hiền, vì lẽ báo của hành đối lập, nên được sinh lên cõi trời Tịnh Cư. Nếu được đệ Tứ thiên, dựa vào Sơ thiên, đồng vượt qua trình tự thủ chứng. Các kiết không tương ứng, lùi sụt ở Tứ thiên, nên nói mắc phải các kiết kia, vậy các Hiền kia có thành tựu hay không?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói là được.

Hỏi: Như đã nói: Do ngoại đạo diệt, ấy là được đạo Hiền Thánh, cho đến cuối cùng diệt hết, ngoại đạo kia không có.

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói không được, do thực thi đạo Hiền Thánh kia cho đến rốt ráo.

Hỏi: Không ở trung gian sinh địa Tứ thiên sao?

Đáp: Việc này không có khổ, lại vượt qua Đệ Tứ thiên.

Hoặc có thuyết nói: Do tư duy đoạn, không phải Tứ đế đoạn. Vì sao? Vì Tứ đế đoạn là đạo Hiền Thánh, không phải tư duy đoạn. Lại nữa, dựa vào ý niệm đạo Hiền Thánh còn tạo ra ý niệm. Lại nữa, lùi sụt đệ Tứ thiên. Vì sao? Vì Hiền Thánh đồng vượt qua trình tự thủ chứng. Khi quay lại nhẩn trí, Hiền Thánh đều dùng sức của phương tiện, không lùi sụt sức của phương tiện ngang bằng, cho nên không lùi sụt Tứ thiên. Nếu được Tam-muội tướng, dựa vào đệ Tam thiên, đồng vượt qua trình tự, thủ chứng, không lùi sụt Tam-muội vô tướng, do vậy sau khi chết, sẽ sinh làm chúng sanh Vô tướng.

Hoặc có thuyết nói: Sinh lên cõi trời Quả Thật, Tam-muội vô tướng này là địa trong đó.

Hỏi: Như Tam-muội Vô tướng kia đã vượt qua địa, thì sao lại nói là địa kia đồng vượt trình tự thủ chứng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không được Tam-muội vô tướng đồng vượt qua trình tự, thủ chứng, vì ý địa kia chậm lụt, nên Tam-muội vô tướng kia hoàn toàn vắng lặng.

Hỏi: Nhập ý của đệ Tam thiên đều không có sự nghi ngờ. Lại nữa, đồng vượt trình tự, sinh đệ Tứ thiên, vượt trình tự thủ chứng. Tam-muội tướng không rộng khắp, cũng không thân cận. Lại nữa, sinh trong đệ Tứ thiên:

Không có tịnh bất tịnh

Làm sao biết phương tiện

Như được Tam, Tứ thiên

Danh Vô tướng không trọn.

Như tất cả đệ Tứ thiên đều được niệm, chờ đợi hỷ. Vì sao nói là

Tam thiền không phải thiền khác?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đây là lời răn dạy của Đức Thế Tôn.

Hỏi: Nghĩa này thế nào?

Nghĩa là đệ Tam quán thiền, niệm chờ đợi hỷ, không phải đệ Tứ thiền.

Hoặc có thuyết nói: Lời hỗ trợ khuyên góp của Đức Thế Tôn, thuyết này là nói thứ khác.

Hỏi: Nói Sơ thiền là nói thiền khác?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Thú vui trong Tam thiền, vui đó là tốt đẹp hơn hết. Thế nên, với ý niệm chờ đợi, bảo hộ ở trong đó không lui sụt.

Hỏi: Phải hộ tất cả thiền chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Cái vui trong Tam thiền là tốt đẹp, nghĩa là ý niệm chờ đợi việc đó tương tự như hơi khí.

Hỏi: Đây không phải là ý niệm chờ đợi, của Đệ Tam thiền, cho nên vương mắc thú vui, Đệ Tứ thiền cũng sẽ có ý niệm tạo tác không giáo. Như thế, Ngã có thiền. Lại nữa, thú vui kia có phần vượt hơn, làm sao đệ Nhị thiền tương ứng với niệm, mà tâm không đoạn xứ sở của hỷ? Như tất cả đệ Tứ thiền được xả niệm tịnh. Vì sao được hộ niệm tịnh? Nói đó là Tứ thiền, không phải thiền khác chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đây là lời răn dạy của Đức Thế Tôn.

Hỏi: Ở trong Tứ thiền đó có tướng tịnh thì tất cả hộ, hoặc có thuyết nói: Trong đó có tịnh niệm, mong cầu hộ hỷ căn?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Do oai lực quay lại của Sơ thiền là duyên của Tứ thiền, cũng dựa vào đệ Tứ thiền, được sự hộ của xứ sở niệm, hoặc khổ, hoặc vui, có giác, có quán, và hơi thở ra vào, do lia các việc ác.

Hoặc có thuyết nói: Chúng sanh ở cõi Tứ thiền kia phần nhiều kiết đã dứt trừ hết. Bấy giờ, hộ niệm, cũng hộ các thiền. Lại nữa, ở trong đó, hành có tăng, tâm không dời động, niềm vui đã tạo ra ý niệm được chấm dứt mà hộ Tam-muội.

Hỏi: Vậy người phạm phu có nhập Tam-muội Diệt Tận hay không?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Người phạm phu không nhập Tam-muội Diệt Tận, vì Tam-muội này không phải là Tam-muội của phạm phu.

Hoặc có thuyết nói: Người phạm phu duyên cõi trên, được diệt cõi trên, đến Hữu tướng, Vô tướng, hữu sinh nhập xứ như đối tượng duyên diệt hữu tướng, Vô tướng xứ, cho nên không nhập Tam-muội đó.

Hoặc có thuyết nói: Người phàm phu cũng có Tam-muội. Khi nhập Tam-muội, đầu tiên tâm tướng chấm dứt và tâm được định. Lại nữa, giới tướng, đó là nhân duyên, trừ bỏ duyên kia, không muốn Tam-muội, như Ưu-trì Ca-la-na-tử nhập định Vô tướng, nên sợ sinh vào cõi trời Hữu tướng Vô tướng. Thế nên không nhập Tam-muội. Lại nữa, không nhập định. Vì sao? Vì như người phàm phu nhập Tam-muội, dần dần có uy lực, cho đến rốt ráo. Người phàm phu e sợ, tự thấy tướng diệt tận ngã, thế nên không nhập Tam-muội kia.

Hỏi: Vậy có Bồ-Tát nào nhập Tam-muội diệt tận hay không?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nhập Tam-muội kia, Bồ-tát phát thệ nguyện rộng lớn, tìm kiếm hết thấy nơi chốn. Do vậy, nếu không nhập Tam-muội Diệt tận này, thì Bồ-tát sẽ không thể biết được nơi chốn của tất cả chúng sanh.

Hoặc có thuyết nói: Bồ-tát không nhập Tam-muội kia. Vì sao? Vì đó không phải là Tam-muội của phàm phu. Đây là người phàm phu Bồ-tát.

Hoặc có thuyết nói: Không nhập Tam-muội diệt tận, vì Bồ-tát dùng đạo thế tục để duyên lìa hạ phần kiết sử của địa trên, Hữu tướng, Vô tướng đều duyên vô sở hữu. Diệt Hữu tướng, Vô tướng xứ, vì thế, nên Bồ-tát không nhập Tam-muội đó.

Thế Tôn Đàm-ma-đa-la nói thế này: Mặc dù Bồ-tát tự quán sát sự yếu kém nhưng sợ không rốt ráo. Hơn nữa, Bồ-tát dùng trí tuệ vượt qua sự giận dữ kia, nhưng không hề có giận hờn, nên chẳng phải không có phương tiện Tam-muội.

Hỏi: Tam-muội Vô tướng và Tam-muội Diệt tận có khác biệt nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tam-muội vô tướng là Tam-muội của người phàm phu, còn Tam-muội diệt tận không phải Tam-muội của phàm phu.

Hỏi: Tôi không luận việc này là Tam-muội gì? Lại nữa, nên nói tướng mạo của Tam-muội?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tam-muội Vô tướng này rộng lớn vô biên. Tam-muội diệt tận dùng nghỉ không khởi.

Hỏi: Nếu Tam-muội này đều không có pháp mà tâm nhớ nghĩ, thì hai Tam-muội này đều không phải là sự ngừng nghỉ rộng lớn chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tam-muội Vô tướng tương ứng với sắc. Tam-muội Diệt tận tương ứng với Vô Sắc.

Hỏi: Tôi cũng không luận nơi chốn của Tam-muội này, chỉ nên

nói tự tướng của Tam-muội?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tam-muội Vô tướng là quả của chúng sanh Vô tướng, Tam-muội diệt tận là quả của cõi trời Hữu tướng và Vô tướng.

Hỏi: Tôi cũng không luận là quả gì? Chỉ nên nói tự tướng của Tam-muội?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tam-muội vô tướng tự biết nhập Tam-muội hữu tướng, Tam-muội Diệt tận tướng thọ tự biết nhập Tam-muội. Điều này như trên đã nói. Lại nữa, như đối tượng dục, cả hai Tam-muội đều có pháp niệm của tâm sở, thì có tướng này không có tướng khác. Như đã nói Tam-muội hữu tướng, tâm được nhận biết. Đối với sự dừng nghỉ của Tam-muội rộng lớn này, phương tiện của quả tướng ứng của cõi Sắc, Vô Sắc, thì có phần vượt hơn. Nếu dựa vào định Bất dụng, thì sẽ đắc quả A-la-hán.

Hỏi: Vì tư duy những gì tương ứng với pháp mà tâm đã nhớ nghĩ để được quả A-la-hán?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tương ứng với định Bất dụng. Đức Thế Tôn cũng nói: Như pháp tất cả thọ tướng hành thức kia, tư duy pháp kia, như Khế kinh vốn nói.

Hoặc có thuyết nói: Tương ứng của Hữu tướng, Vô tướng, tự biết Hữu tướng, Vô tướng, xa lìa Hữu tướng, Vô tướng, không xa lìa định bất dụng, được dục của hữu tướng và Vô tướng đã hết.

Hoặc có thuyết nói: Nếu ái của định bất dụng chưa hết, thì dựa vào định Bất dụng sẽ theo kịp quả A-la-hán. Tam-muội kia tương ứng với định Bất dụng, pháp niệm của tâm sở tương ứng với hữu tướng, Vô tướng, nên tư duy chứng được quả A-la-hán. Nếu được Tam-muội hữu tướng, Vô tướng, dựa vào định Bất dụng sẽ chứng quả A-la-hán. Lại nữa, như tự tư duy ngã là không, ngã bị triền ràng buộc, đã được trí đoạn, ấy là dứt trừ ái, Vậy tư duy những hành ấm khổ nào mà diệt hết khổ khác? Như nghiệp tự do tạo ra nghiệp khác, không mắc phải lỗi này. Sự tư duy ngã này cũng nên như thế.

Hỏi: Vì sao Tam-muội vô lậu nói là duyên khác, không phải tịnh Tam-muội?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tam-muội vô lậu duyên với ba cõi. Do Sơ thiên vô lậu biết rõ ba cõi, nhưng Sơ thiên tịnh không có phương tiện nhận biết Phạm thiên. Cho nên, nếu có nhân duyên nhưng không phải tịnh.

Hoặc có thuyết nói: Tam-muội vô lậu, nghĩa là mỗi mỗi sinh nhau.

Thế nên, do Sơ thiên này được tướng vô thường thì sẽ được tất cả. Tuy nhiên, Sơ thiên tịnh không do đó mà đồng nhau.

Hoặc có thuyết nói: Tam-muội vô lậu, nghĩa là dứt trừ hết thảy các kiết sử, dứt hết không sót, nương tựa Sơ thiên vô lậu, diệt kiết ba cõi. Như thế, tất cả do tịnh Sơ thiên không có phương tiện khéo, diệt hết mà sinh lên Phạm thiên.

Hoặc có thuyết nói: Do được Sơ thiên vô lậu, được sắc vô lậu của mình, nhưng không do tịnh Sơ thiên mà hiện ở trước, cũng không được đệ Nhị thiên. Lại nữa, không phải do Tam-muội tịnh lần lượt mà được, mà là do tu hành thiên tịnh tăng thượng hiện ở trước, lại do đệ Nhị thiên tịnh của phương tiện khác mà hiện ở trước. Lúc Sơ thiên vô lậu hiện ở trước, được Vô Sắc vô lậu tăng thượng. Thế nên, Tam-muội vô lậu lần lượt có nhân duyên, nhưng không phải tịnh. Vì sao? Vì các Tam-muội tương ứng với khí vị trên, Tam-muội tương ứng với khí vị dưới, Tam-muội, nhân duyên của khoảng giữa, nói là nhân duyên, nhưng không phải là duyên dưới, trên.

Hoặc có thuyết nói: Khi nhập Tam-muội, khởi thiên trung gian, lìa sụt Tam-muội kia, không trở về, như muốn lên cầu thang, phải bắt đầu từ mỗi bậc thang. Nếu từ cầu thang đi xuống, cũng phải do mỗi bậc thang đi xuống. Lại nữa, nhập khí vị của đệ Nhị thiên, tương ứng với sự lìa sụt. Lại có người nhập Sơ thiên, nhưng không phải Sơ thiên, vì vị khí tương ứng với nhập đệ Nhị thiên.

Hỏi: Từ, và đại từ có gì khác nhau?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vi tế nói là từ, nói rộng là đại từ.

Hoặc có thuyết nói: Nhập một ít là từ, nhập khắp tất cả là đại từ.

Hoặc có thuyết nói: Từ duyên với khổ của thân, đại từ duyên với ý, thân.

Hoặc có thuyết nói: Từ duyên với khổ khổ của chúng sanh, đại từ duyên cứu khổ khổ của chúng sanh. Lại nữa, đại từ rộng lớn không có biên giới, đến khắp tất cả chúng sanh, chúng sanh nào đều chịu ơn. Lại nữa, Như lai, Thế Tôn che chở hết thảy chúng sanh, nhưng không phải Thanh văn có gần, có xa, tất cả chúng sanh đều được xót thương, muốn cho Thanh văn thương xót, chúng sanh có sắc, không có sắc. Nếu là môn tịnh giải thoát, như tự nhân duyên nhập, hiện sắc nhập. Và tự nhân duyên mười hai nhập, nhân duyên này có gì khác nhau?

Hoặc có thuyết nói: Trong môn giải thoát vi tế có tám hiện sắc nhập, mười hai nhập tăng thượng.

Hoặc có thuyết nói: Có một ít đại Tam-muội của môn Tam-muội

giải thoát, nói là hiện sắc nhập, mười hai nhập của vô lượng Tam-muội.

Hoặc có thuyết nói: Tướng tịnh, được nói là môn giải thoát. Kiết hết, tám hiện sắc nhập, không có tư duy mười hai nhập. Lại nữa, tăng thượng là nhân duyên mười hai nhập của môn giải thoát, các kiết dài cũng là mười hai nhập.

*Tất cả phàm phu khổ
Hoặc oai thắng Bồ-tát
Cõi trên, dưới vô lậu
Hạnh thắng môn giải thoát.*

Lại nữa, Đức Thế Tôn nói: Không có thiền thì không trí; không có trí, không thiền; có thiền có trí gọi là Niết-bàn.

Hỏi: Phật nói lời này, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Theo Khế kinh này nói đấng Tu-đà-hoàn thì được các thiền, nên nói không có trí thì không có thiền. Tu-đà-hoàn cũng có trí tuệ này, thế nên thiền cũng dựa vào trí kia.

Hỏi: Giác, quán bình đẳng, ở trong đó có thiền. Nếu theo Khế kinh, thì bên ngoài cũng có thiền, cho nên thiền kia có trí, thành thử nói không có thiền thì không có trí.

Hỏi: Ngoài cũng có trí tuệ thế tục chăng?

Đáp: Nếu bên ngoài kia có trí tuệ, thì cũng có Niết-bàn bên ngoài, nên nói có thiền, có trí, nói là Niết-bàn.

Hoặc có thuyết nói: Nếu trí tuệ là tâm địa thì cũng không có trí tuệ, do trí tuệ kia không có thiền nhất tâm, nên nói không có thiền, thì không có trí. Nếu không có thiền nhất tâm, thì trí tuệ kia cũng không có trí tuệ tư duy, nên nói không có trí thì không có thiền. Nếu có nhất tâm thiền tư duy trí tuệ, thì trí tuệ ấy sẽ diệt các kiết sử, nên nói có thiền có trí. Đây là nói dựa vào Niết-bàn. Lại nữa, nếu có trí vô sinh, được pháp đẳng thiền, thì ấy là có sự dừng, nghỉ, hướng chi thành quả thật, nên nói không có thiền thì không có trí. Nếu ràng buộc, chấp mắc tâm, ý, thì ấy là sự biến đổi, hướng chi là có quả thật, nên nói không có trí thì không có thiền. Nếu thiền kia có chỉ, quán, thì chỉ quán đó quán ngoại luôn luôn tu hành giải thoát bền chắc, không có diệt tận, nên nói là có thiền thì có trí, đó gọi là Niết-bàn.

Hỏi: Thế nào là nghĩa Tam-muội?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Duyên nhất tâm mà niệm pháp gọi là Tam-muội.

Hỏi: Tam-muội Vô tướng, Tam-muội Diệt tận, không có tâm mà

niệm pháp đồng sinh, muốn cho Tam-muội kia không phải là Tam-muội chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Rất nhiều tâm duyên một nơi chốn, nói là Tam-muội. Về điều này như trên đã nói.

Lại nữa, Tam-muội có ngần ấy tướng. Tam-muội thiện pháp, Tam-muội Hùng Thư, các nghĩa xả của chín bậc thứ tự thiền ngang bằng với Tâm nên gọi là Tam-muội.

Hỏi: Vả lại, nhân khổ tương ứng với thiền, thiền có hiện ở trước chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không có. Tương ứng với khổ ấy là có niệm, đợi chờ niệm, đợi chờ thiền. Thế nên, không hiện ra ở trước mắt.

Hoặc có thuyết nói: Hoặc hiện ở trước mặt tương ứng với khổ, như thật biết khổ, ấy là khởi niệm. Ở trong đó thiền hiện ở trước mặt. Lại nữa, lúc không cười đùa, dựa vào khổ nên thiền hiện ở trước mắt.

Hỏi: Bốn thứ như giận dữ v.v... này, ở trong chốn phạm hạnh, đáng nào là hơn hết?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Từ là hơn hết. Sự thương xót chúng sanh đều khiến cho họ được yên ổn, thương yêu chúng sanh kia là đã nhập Tam-muội từ, không có nghi ngờ.

Hoặc có thuyết nói: Bi là hơn hết, vì do đại bi, nên xuất thế, nói pháp, cũng không thấy có đại từ, đại bi, đại xả.

Hoặc có thuyết nói: Xả là hơn hết, vì nhận thấy quả thật, tu xả là tu định bất dụng. Lại nữa, sự xả thân là hơn hết, mọi sự nghỉ ngơi là xả gân, sức, muốn sự giận dữ diệt, vì chúng sanh nên xả là hơn.

Hỏi: Vì sao Sơ thiền nói là lặng yên? Đệ Nhị thiền nói là Tam-muội?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Hai thiền này đều là Tam-muội lặng yên. Sơ thiền nghỉ ngơi rất nhiều, thế nên đệ Nhị thiền lặng yên. Lại nữa, như hạt giống đất, hạt giống nước kia, như thế vắng lặng, pháp bất thiện gọi là Sơ thiền sinh, nên nói là vắng lặng. Thế nên, vì ý định do hai thiền sinh, nên nói là Tam-muội.

Hỏi: Hỷ nội, nghĩa này thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Có giác, có quán, sinh tâm, duyên xen lẫn, có giác, có quán sinh tâm, ấy là hoan hỷ, như gạn bỏ nước bùn nhơ, dần dần trong.

Hoặc có thuyết nói: Tâm cười đùa chấm dứt thì liền thanh tịnh, như dòng nước vọt lên khiến cho dòng chậm lại, từng giọt trong trẻo.

Hoặc có thuyết nói: Tâm kia duyên một trụ, tâm ấy nói là đẳng thanh tịnh. Như đã nói gạn đục còn trong, lại nữa nhập Nhị thiên ý được thanh tịnh, có chỗ đây, kia được Sơ thiên, hỷ, lạc có khác nhau.

Hoặc có thuyết nói: Thấp là hỷ, tăng thượng là lạc.

Hoặc có thuyết nói: Tâm sở niệm lạc, thọ là hỷ, thân thọ lạc là lạc.

Hoặc có thuyết nói: Vui mừng phấn khích sinh hỷ, khinh an sinh an vui. Lại nữa, tâm phương tiện kia là hỷ, lạc, không có ngăn ngại, ở trong đó tương ứng với hỷ, thân tâm không rối loạn, gọi là vui.

Hỏi: Có các người không bỏ dở thiên, tất cả người ấy có thành tựu thiên chăng? Nếu thành tựu thiên, tất cả người ấy không bỏ dở thiên phải chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Các thành tựu thiên, tất cả người ấy không bỏ dở thiên.

Hỏi: Vả lại, không bỏ dở thiên, họ không thành tựu thiên chăng? Nếu người không có cấu uế, sẽ sinh cõi Vô Sắc. Lại nữa, không bỏ dở thiên, không thành tựu thiên chăng?

Đáp: Các hữu dần dần vừa trong khoảnh khắc búng ngón tay, tư duy mất vô thường.

Hỏi: Vả lại, thành tựu thiên, chẳng phải không bỏ dở thiên chăng?

Đáp: Trí tuệ, giải thoát của A-la-hán.

Hỏi: Hơn nữa, không bỏ dở thiên, cũng thành tựu thiên chăng?

Không thành tựu thiên, có bỏ dở thiên chăng?

Đáp: Trừ ngần ấy việc, tức là nghĩa ấy.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn ở Tứ thiên, khởi Niết-bàn ở Tứ thiên, mà không dùng Niết-bàn khác?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì xót thương chúng sanh đời sau, nên hiện soi sáng để chúng sanh sau này sẽ biết được Phật, Thế Tôn thường không lìa Tứ thiên, hướng chỉ chúng ta có thể lìa thiên.

Hoặc có thuyết nói: Như lúc Đản-ni bảo khách sắp chết, dùng châu ngọc, vật quý báu kỳ lạ, báu đẹp sau cuối để ban cho những kẻ nghèo cùng kia. Như thế, vì sự đẹp đẽ trong thiên của chúng Tứ thiên, thế nên để ở sau. Tuy nhiên, không phải Như lai, Thế Tôn có các thứ cấu uế, chấp mắc.

Hoặc có thuyết nói: Đản-ni kia có sức tự tại, nhưng không có phương tiện tinh xảo, vì khi sắp chết, ông ta nhập đệ nhất thiên còn khó, hướng chỉ đệ Tứ thiên. Lại nữa, các vị nhập tất cả cõi Phật, như điều mà

vua Chuyển luân mong muốn, đạt đến. Phật, Thế Tôn cũng giống như thế, các pháp vương đều tự tại, đối với điều mong muốn đều được thỏa mãn. Do vậy, nên thực hành quán này.

Hỏi: Vì sao khi Phật, Thế Tôn nhập Niết-bàn, tất cả thiên giải thoát, nhập Tam-muội chánh thọ đều hiện ở trước?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì tự nuôi nấng thân.

Hoặc có thuyết nói: Vì thân thể yếu đuối, cần nuôi nấng để gân sức được khoẻ mạnh.

Hoặc có thuyết nói: Tất cả mọi người đều như sư tử, vì muốn báo đáp phước thí kia.

Hoặc có thuyết nói: Vì chúng sanh đời sau, nên hiện soi sáng.

Hoặc có thuyết nói: Hiện có tự tại, không có tự tại, lúc sắp chết, nhập đệ nhất thiên còn khó, hướng chi là nhập tất cả thiên giải thoát, chánh thọ. Lại nữa, hiện pháp không cùng tận, vì hết thấy công đức của Như lai, Thế Tôn đều thành tựu. Do được tự tại các mong muốn, ấy là đến khổ, vui của Tam-muội thiên:

*Thường lặng và tâm ý
Niệm hoan hỷ không bỏ
Bốn thiên ở sau cuối.*

Như đã nói mười tám triền, quán niệm hơi thở để giữ ý, tham dục, giận dữ, ngủ nghỉ, đùa bỡn, nghi, thuộc về Vô tướng. Không tư duy chỉ, không ngồi ngay tư duy, phương tiện mong cầu, ít có phương tiện, nhiều lời nói, hy vọng vô ích, niệm chấp mắc nhiều hành, tham của báu oán hận.

Hỏi: Từ những thứ này để khởi ý nhóm họp, ở đây có gì khác nhau?

Đáp: Nghĩa dục hữu, nói là tham dục, cơn giận dữ của tâm chúng sanh, gọi là giận dữ. Tâm có phiền muộn, gọi là ngủ (thùy). Ngủ say gọi là miên. Tâm chưa dừng gọi là đùa bỡn. Tâm không chuyên định, gọi là nghi. Tâm không rớt ráo, rong ruổi muôn mối cũng nghi. Quán hơi thở ra vào, không lia ý, gồm nhiếp Vô tướng. Tư duy nơi chốn, quán hơi thở giữ gìn ý, trong đó thực hành phương tiện, đếm hơi thở giữ ý, ít phương tiện không tư duy, không chuyên ý, tư duy phương tiện tăng thượng, đếm hơi thở giữ ý, ý thiếu phương tiện, không tạo ra phương tiện tăng thượng, tính đếm, nhiều lời nói, bị có giác, có quán, ét ngắt. Do phương tiện này, không ưa oán hận tăng thượng, hy vọng, tư tưởng muôn mối mối hỷ, ái, đếm hơi thở giữ ý, được ý xử của người khác, phương tiện khởi ý có lệ thuộc. Hai tháng chuyên thực hành theo như kinh đã nói.

Hỏi: Thuyết minh những lời nói trên đây, nghĩa ấy thế nào? Vì sao trong hai tháng, Đức Thế Tôn chuyên thọ trì thành tựu kinh điển?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đây không phải câu hỏi mà là oai nghi giáo hóa, dẫn dắt của Phật. Vì duyên đại từ, nên Ngài nói pháp này.

Hoặc có thuyết nói: Phải nói là vào lúc ấy, không có Phật sự, do các căn thuần thực, đều được Phật độ thoát, các căn không thuần thực thì được nghe pháp.

Hoặc có thuyết nói: Các Tỳ-kheo kia thường qua đến, thân cận chỗ Như lai. Lúc ấy, Đức Thế Tôn nhập định Tam-muội, đối với các căn cơ thuần thiện rất dễ hóa độ.

Hoặc có thuyết nói: Các Tỳ-kheo kia nghe pháp sâu mầu, thường đến lãnh thọ, không nhập chánh thọ. Chính vì thế, nên Đức Thế Tôn thường nhập định Tam-muội, nói: Nếu ta nhập định này, thì các Tỳ-kheo cũng nên nhập định này.

Hoặc có thuyết nói: Vì biết rõ chúng sanh sau này bị chìm đắm nên Ngài mới giảng pháp soi đường dẫn lối cho họ.

Hoặc có thuyết nói: Ước muốn tự tại trong hiện pháp, như đã nói: Quát-đa-la-ma-nạp.

Hoặc có thuyết nói: Đây là nghĩa của lời nói thiết yếu, khiến cho các Tỳ-kheo không có hành vi khác, Đức Thế Tôn giảng nói về phước nhập định, nhưng không tự nhập định.

Hoặc có thuyết nói: Nuôi lớn nhất thiết trí, như nhân duyên trồng cây, tùy thời tiết tưới để cây cùng nhau lớn mạnh.

Hoặc có thuyết nói: Có Phạm chí dị học nói rằng: Sa-môn Cù-đàm không có thiền định, chỉ nói pháp thôi. Thế nên, Đức Thế Tôn nhập định, ngồi thiền như đã hóa độ chúng sanh tà kiến, mà nhiếp, lấy họ. Do vậy, Thế Tôn mới nhập định, ngồi thiền. Lại nữa, do hai nhân duyên, nên Đức Thế Tôn nhập định Tam-muội, tự đã thấy pháp mà du hóa trong đó. Hơn nữa, vì chúng sanh nên Ngài mới thể hiện rõ pháp quán Tam-muội để soi sáng. Do vậy, các Tỳ-kheo, bây giờ phải chuyên nhớ nghĩ hơi thở vào, chuyên niệm hơi thở ra được biểu hiện qua bốn ý chỉ quán hơi thở vào ngắn, tự biết hơi thở ngắn. Quán hơi thở vào dài, tự biết hơi thở dài. Nhập định không lâu sẽ biết hơi thở ra vào nhanh chóng. Như nhập Tam-muội định cũng có khả năng an trụ lâu dài, biết rõ tất cả các lỗ chân lông trên thân, điều này cũng đã nói như trên. Căn cứ vào hành động của thân, để quán chiếu hành tướng của thân dần dần rộng ra cho đến việc ẩn trú ở khoảng trung gian hơi thở ra vào. Nương vào hỷ của địa hoan hỷ ở cảnh giới Sơ thiền, hoặc quán chiếu cảnh giới

Nhị thiền và nên thường xuyên quan sát cảnh giới ấy, cũng dựa vào sự an vui trong pháp quán của cảnh giới Sơ thiền. Đối với cảnh giới Nhị thiền hoặc Tam thiền cũng đều phải khởi quán địa ấy, tâm hành cũng phải quán tưởng thọ.

Hoặc có thuyết nói: Quán hành của tâm ý, rồi nương vào hành vi của tâm ý ấy nhằm chuyển dần ý tưởng trở nên càng lúc càng mỏng hơn. Đây gọi là nhờ tâm quan sát thức tâm khiến cho tâm được hoan hỷ. Đức Như lai không có tâm lo, mừng v.v... như ngay khi giải thoát. Sở dĩ tâm Bồ-tát thường hoan hỷ, hoặc Tam-muội, hoặc giải thoát. khởi gần ấy tướng, quán tưởng vô thường, quán hơi thở ra vào, thường quán diệt tận thì trừ kiết sử ái, dứt hẳn không còn sót, quán không có dục, quán ái hết, quán các sử hết. Lại có thuyết nói: Quán vô thường tức quán thân vô thường, quán tận tức quán vô minh tận, quán không có dục tức quán có ái hết, quán tận tức quán sự diệt tận về quả vị Niết-bàn hữu dư và vô dư.

Lại có thuyết nói: Quán vô thường tức quán năm ấm vô thường. Quán năm ấm là không, vô ngã, quán không có dục, quán không có ấm khổ, quán tận, quán pháp năm ấm vô sinh. Lại dùng vô dục mẫu nhiệm để nhập đệ Tứ thiền. Ở cõi kia, có vị trời nói: Than ôi! Thảm thương thay! Mạng Như lai đã qua, không có hơi thở ra vào, mặc dù các căn chưa lằm lẩn, nhưng không bao lâu sẽ qua đời!

Bấy giờ, tướng cảnh giới của các Hiền Thánh hiện ra, các vị hiền nương vào đây mà chứng đắc cảnh giới thần thông, cảnh giới Tịnh Thiên, trú xứ của Tịnh Thiên, cảnh giới Phạm thiên, cảnh giới Phật. Hành nguyện của Phật lúc này không cách xa mà trở lại. A-la-hán luôn ở trong pháp lạc hiện tại thuộc Tứ thiền của cõi Hiền Thánh. Lại nữa, chuyên niệm hơi thở vào, có tưởng hơi thở vào, quán hơi thở ra, có tưởng của hơi thở ra, không lìa phương tiện, có hơi thở ra vào sự cấu ứ như thế được dứt trừ, tư duy niệm tưởng hơi thở ra vào, có giác, có quán mỏng dần, sự dừng nghỉ rộng lớn, Hiền Thánh kia lại nghĩ rằng: Thân, ý hệ thuộc nối nhau, tự biết hơi thở ngắn, ấy là tự biết, không xả bỏ bản tướng. Đối với cõi hữu dư, Đức Thế Tôn tư duy khiến cho tư duy dần dần dứt, nhưng không có niệm biết tâm ngơi nghỉ. Thân tâm này không có khái niệm nhớ nghĩ ấy mà chỉ có sự chuyển biến. Toàn bộ thân tâm đều an trú, không có mong muốn hơi thở dài, quán hơi thở ra dài. Quán hơi thở ra dài, cũng biết hơi thở không lìa bản tướng. Ở trong đó, hơi thở ra vào của Đức Thế Tôn, cũng như tất cả thân thể đều được quán hơi thở ra vào, không lìa bản tướng. Lại nữa, Đức Thế Tôn chuyển sang tu

hành gấp bội, được tâm dừng nghỉ, hơi thở ra vào mong manh, đều quán hơi thở đó không lìa bốn tướng. Đây là nói bốn thứ tư duy hơi thở ra vào của Đức Thế Tôn, là khí vị tự nhiên của vô lượng nhân duyên của việc kia. Lại nữa, Đức Thế Tôn tạo ra hình tượng, tâm Ngài không dời động, tâm như kim cương, quay lại hoan hỷ, nhan sắc hòa vui đều quán hơi thở không lìa bốn tướng. Lại nữa, Đức Thế Tôn thật sinh thân, tâm, đều quán hơi thở, không rời bốn tướng.

Lại nữa, Đức Thế Tôn quán sự vui mừng của người kia, không có mạng, không có tướng mạng, tâm hành được giải thoát đều quán hơi thở ra vào không lìa bốn tướng. Lại nữa, thú vui hoan hỷ kia của Đức Thế Tôn có tướng rộng lớn tâm được giải thoát. Tâm ấy của Phật đã dừng nghỉ hành mỏng dừng nghỉ dần, đều quán hơi thở ra vào không lìa bốn tướng nên nói là bốn thứ thọ của Như lai tư duy thọ kia phân biệt giải thoát vô lượng nhân duyên đã do dứt trừ tự tướng của bốn thọ ấy.

Lại nữa, người được tiếp nhận hóa độ kia của Đức Thế Tôn không có mạng, có mạng, tâm tướng được giải thoát, hết thấy đều quán hơi thở ra vào không lìa bốn tướng. Tâm Như lai kia được hoan hỷ, tư duy gấp bội sự hoan hỷ, rất hoan hỷ kia đều do quán hơi thở ra vào không lìa bốn tướng, tâm Như lai kia duyên định Tam-muội, phương tiện giải thoát như thật không khác đều do quán hơi thở ra vào không rời bốn tướng nên nói là bốn thứ tâm tư duy của Như lai, phân biệt vô lượng nhân duyên của giải thoát lý do là bỏ đi tự tướng của bốn tâm đó.

Lại nữa, tâm giải thoát rộng lớn của Đức Thế Tôn, như thật quán tâm đó không khác, do tạo ra sức siêng năng khó nhọc nên lúc ấy lần lượt quán hơi thở ra vào nói là quán an ban giữ ý cũng quán duyên của hơi thở ra vào kia.

Quán sự ràng buộc theo trình tự quán báo của tội hành quán khắp tất cả hành của tâm sở, lần lượt quán hơi thở ra vào nói là quán niệm hơi thở để giữ ý và báo hành của tội phước bị ràng buộc theo trình tự.

Đức Phật kia như pháp này giải thoát tâm vô thường đều quán hơi thở ra vào không lìa bốn tướng.

Đức Phật kia với ý trụ các pháp của mười việc như thế, các thanh âm của pháp tướng, đều trừ bỏ khiến tư duy dừng nghỉ ngơi, và đều quán hơi thở ra vào không lìa bốn tướng.

Tướng vô thường không có tướng: Ái dứt hẳn, không có dục, tư duy sự dừng nghỉ, đều quán hơi thở ra vào không lìa bốn tướng.

Tâm Phật kia đã tạo ra sự hàng phục tu hành, tạo ra tướng dứt ngã, tư duy sự dừng nghỉ, đều quán hơi thở ra vào, không lìa bốn tướng nên

nói là bốn thứ pháp tư duy của Như lai, phân biệt giải thoát vô lượng nhân duyên, cho nên bỏ đi tự tướng của bốn pháp tư duy kia.

Mười sáu việc như thế: Do trải qua sự quán niệm hơi thở để giữ ý với cảnh giới rộng lớn, Đức Thế Tôn tư duy chưa hề lìa cảnh giới ấy. Cảnh giới ấy tức là có tướng với tướng ứng chung, cũng tương ứng với hành. Do hạnh mẫu nhiệm nên khởi đệ Tứ thiền, cho đến Tam-muội diệt tận.

Đức Phật kia có một vô quán, ở đây không có hơi thở ra vào, cũng không lay động, cũng không có đối tượng nhận biết, cũng không có bốn tâm. Than ôi, thảm thương thay! Mạng của Sa-môn Cù-đàm đã đi qua, có vị trời thứ hai, quán nhan sắc của thân Như lai chưa thay đổi, bèn nói lời này: Ở đây chưa mạng quá, nay mạng quá, cũng sẽ không bao lâu. Có vị trời thứ ba đã từng quán Đức Thế Tôn và đệ tử lúc nhập Tam-muội chánh thọ, cũng thấy xuất định, bèn nói lời này: Đức Phật này không qua đời, cũng sẽ không qua đời, đã vào đường tạo ra hình tượng như thế, sẽ thành A-la-hán.

Hỏi: Thế nào là nay Đức Thế Tôn biết xuất định, vốn đã xoay lại?

Đáp: Lúc nghe thanh tịnh, các căn thanh tịnh, cho nên nhân duyên lớn kia với ý thức thanh tịnh này sinh, từ nhân duyên kia khởi. Lại, nói rằng: Tự nhận biết niệm vô số, tu trí tự tại, nói là cảnh giới Hiền Thánh, thanh tịnh thiên của Hiền Thánh vô cấu, thần thông không rối loạn, cho đến đối tượng giác của Phạm thiên, học dứt kiết của A-la-hán vô học. Các Tỳ-kheo của Như lai không theo kịp, theo kịp thật quả Vô học, Thiệt giảng đường ở trong hiện pháp, được pháp không có nghi ngờ.

Như Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Khéo ưa nghỉ ngơi, nói là Niết-bàn.

Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la-hỏi Tôn giả-Xá-lợi-phất: Người kia lạc không có thọ là sao?

Nói rộng như Khế kinh Vì người kia không có thọ nên nói là vui, khi nói lời nói này, nghĩa ấy thế nào?

Hoặc có thuyết nói: Tôn giả Câu-hy-la thọ lạc vì người kia nói, nhưng thọ lạc không rốt ráo.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Dừng nghỉ vui, cho đến vui rốt ráo có thường lạc.

Hoặc có thuyết nói: Quán lạc thọ, Tôn giả kia có một ít lạc thọ có một ít khổ, vui không có quán niệm vui là Niết-bàn, nên nói: Sở dĩ vui là vì người kia không có thọ.

Hoặc có thuyết nói: Lạc thọ bị khổ ràng buộc, dừng nghỉ vui, nghĩa là vì không tương ứng với khổ, nên nói là người kia vui.

Hoặc có thuyết nói: Lạc thọ không có lạc nhất định thật, vui dừng nghỉ có lạc nhất định thật, nên nói vui kia.

Lại nữa, như xoay lại tánh hạnh được người kia khi nhập Sơ thiền tương ứng với cõi Dục tức là có tăng nếu người kia ràng buộc với dục kiến tư duy tướng hành giận dữ là lừng lẫy, như chúng sanh vui tất nhiên phải chịu khổ, cho nên ngoài sinh tử cấu uế chỉ có thú vui Niết-bàn. Đây nói là Tôn giả nói nghĩa này nên nói là vì không có thọ nên vui.

Lại nữa, Đức Thế Tôn nói: Ông có tra-bà-la sắc, bốn vị trời tự nói: Là ngã sở thì sẽ trụ lâu. Nếu lại sinh tướng khác tất nhiên cũng sẽ có diệt tận.

Khi nói lời này, nghĩa này thế nào?

Hỏi: Thế Tôn đã cho phép ông là học nhân Bồ-đề-phi-la, tướng kia khởi liên diệt, muốn cho đời chuyển.

Hỏi: Thế nào? Sa-môn Cù-đàm! Ngã tức là tướng chẳng? Và lại tướng có đối tượng nhìn thấy chẳng? Dù cho sẽ thấy là tướng của ta ấy là biết ngằn ấy thứ tướng, (như trên đã nói) ấy là biết tướng không phải loại. Khi ấy Đức Thế Tôn chất vấn ngược lại nghĩa kia: Người Bồ-đề-phi-la của ông có ngã? Người Bồ-đề-phi-la nói: Thật vậy, thưa Cù-đàm! Bốn vị người có sắc, có ngã. Lúc đó Đức Thế Tôn muốn sinh ra lời nói của người kia: Bồ-đề-phi-la của ông nói: Sự tốt đẹp của sắc và thân của bốn vị trời, người có trụ ngã, là ngã sở. Nếu sinh ra tướng khác thì tướng sinh bèn diệt khiến chí tánh hạnh của Như lai không thể đời động.

Lại, Đức Thế Tôn nói: Đúng thế A-nan! Tam-muội tướng nghĩa là sự răn dạy thành tựu, lại sinh, lên cõi trời hữu tướng, Vô tướng, nếu Tỳ-kheo nhập thiền kia phân biệt từng thứ một.

Khi nói lời này, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Bảy Tam-muội này chỉ như kim cương, mọi việc đều đầy đủ, cho nên lời răn dạy thành tựu. Tam-muội Vô tướng và Tam-muội Hữu tướng, Tam-muội Vô tướng, Tam muội diệt tận, tâm không tương ứng với sự dừng nghỉ không khởi, thế nên không có sự răn dạy thành tựu.

Hoặc có thuyết nói: Bảy Tam-muội này vừa hữu lậu vừa vô lậu. Do sự răn dạy của đạo vô lậu được thành tựu cho nên lời dạy răn của Hiền Thánh kia cũng thành xong Tam-muội Vô tướng và Tam-muội hữu tướng Vô tướng, Tam-muội Diệt tận đều hữu lậu không phải do đạo hữu lậu được thành tựu lời răn dạy. Thế nên không có lời răn dạy

thành tựu.

Hoặc có thuyết nói: Tưởng vô thường, tưởng khổ, tưởng vô ngã, tưởng diệt tận thôi nghĩ tưởng xuất ly của đạo, ấy là sự răn dạy thành tựu Tam-muội Vô tưởng, và Tam-muội hữu tưởng, Tam-muội Vô tưởng của bước đạo đi tưởng, cho nên không có lời răn dạy thành tựu kia.

Lại nữa, sự soi sáng của trí tuệ tương ứng với thân trong thân đẳng quán. Tam-muội Vô tưởng kia là tương ứng hành của Tam-muội Diệt tận, do được dừng nghĩ, cũng người tu thiền xuất thiền có thể có nói năng Hữu tưởng Vô tưởng là Thế Tôn cố ý nói ở đây thôi. Lại nữa, Đức Thế Tôn nói: Năm pháp thành tựu, phải ở chốn thanh nhàn trên đỉnh núi, trong tông lâm, xiêm y thô xấu không cho là xấu, không lựa chọn thức uống ăn, giường nằm, đau bệnh, thuốc thang điều trị, thường khởi tưởng trừ khởi dục, quán sắc, pháp như thế, thành tựu các nghĩa, thường ở chốn nhàn nhã, trên đỉnh núi, tông lâm.

Hỏi: Khi nói lên những lời này, với ý nghĩa như thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Cũng như có người nặng về ý dâm, vì dục ái chưa hết, nên có các bệnh này.

Hoặc có thuyết nói: Chỉ là lời khuyên bảo của Đức Thế Tôn, hướng chi thành tựu năm pháp?

Không ưa ở chốn thanh nhàn, mà thường đi dọc bên kinh thành. Mặc dù ở chốn nhàn cư, nhưng cũng có đôi lúc thôi.

Lại nữa, như pháp ở trong núi, chằm, không chịu tu hành thì không thể đến ở chỗ thanh nhàn, chỗ vắng lặng dưới cội cây.

Không tu tưởng biến dịch, cho nên người kia không thể ở chốn thanh nhàn, như đỉnh núi, rừng rậm.

Tự chấp ngã, người ấy ở chốn thanh nhàn. Lại còn có ý nghĩ này: Tự chấp ngã, thường ở trong nhân gian.

Lại nữa, Đức Thế Tôn nói: Đối với Tỳ-kheo kia, trong khởi tưởng không có sắc, ngoài quán sắc, cho đến quán sắc trắng có tưởng về màu trắng, như Khế kinh nói: Vì sao sắc của hình tượng trắng, sắc ấy có xanh tươi, rất tốt đẹp trong các hạnh.

Hoặc có thuyết nói: Đây là sắc trên, cho nên duyên sắc kia là trên.

Hoặc có thuyết nói: Duyên tư duy màu trắng, sinh tâm màu trắng. Lại nữa, cũng thiên nhãn và các hạnh, cho nên màu trắng là trên hết.

Lại nữa, Đức Thế Tôn nói: Có ba thứ vui này:

1. Vui không có tranh cãi, hiện thực.

2. Vui ở một mình.

3. Niềm vui của người không có dục.

Thế nào là vui không có tranh chấp kiện thưa? Thế nào là niềm vui ở một mình? Niềm vui của người không có dục là sao?

Hoặc có thuyết nói: Giới không có sự tranh chấp, thưa kiện, nên thường xuyên học giới cấm. Niềm vui không có dục đối với người: tư duy định Tam-muội, người ở chốn thanh nhàn, hàng phục tâm mình, vui chơi chốn thanh nhàn, trí không có rối loạn. Thế nên, phải học hỏi trí tuệ, niềm vui không có sự tranh chấp kiện tụng. Nên học trí tuệ, sẽ được thú vui thân, ý, không có sự phẫn nộ

Hoặc có thuyết nói: Tất cả sự sinh tử là khổ, không có sinh tử là vui. Giới cấm kia, đều là thú vui không có tranh tụng, các sự lẫn lộn, được dứt hết hẳn, vui ở một mình, không có giới cấm, đều là thú vui ở chốn thanh nhàn. Lại nữa, giới cấm thanh tịnh, bỏ đi ý khổ hạnh, lạc thọ của hạnh không có lỗi, ấy là sinh niệm cùng tương ứng.

Niềm vui của người không có dục. Người nghĩ đến giới cấm, thân sẽ có vui mừng. Đối với giới cấm này, ý thường tu hành, sinh ra các lạc thọ. Tương ứng với niệm, nghĩa là vui ở chốn thanh nhàn, như Tôn giả. Xá-lợi-phất nói: Các vị Hiền, mỗi nửa tháng thuyết giới, không khởi pháp tác chứng hiện ở trước, không khởi pháp quán, thế nào là phải?

Hoặc có thuyết nói: Đạo có thể sử dụng, được quả Tu-đà-hoàn, thường gần gũi đạo kia, cứ thuyết giới ở mỗi nửa tháng sẽ thành quả vị A-la-hán.

Hoặc có thuyết nói: Các bậc Hiền Thánh kia, thuyết giới mỗi nửa tháng để tu trí vô thường, khổ để chưa sinh, bèn thấy tập đế, trung gian tập đế, bèn thấy tận đế, trong tận đế, bèn thấy đạo đế.

Hoặc có thuyết nói: Mỗi nửa tháng thuyết giới, khi nói pháp cho Phạm Chí Trường Trảo nghe liền tư duy mười hai việc, gặp các thứ tướng, phân biệt vô số, bèn không khởi pháp quán.

*Niềm thân vui, tham đắm Sắc kém cho đến
tướng
Ở nhàn, phân biệt hành Ba lạc và chỉ
quán.*
